

「成语故事两则」

Hai câu chuyện thành ngữ

Chéngyǔ gùshì liǎng zé

① 盲人摸象

Máng rén mō xiàng

Thầy bói xem voi



很久以前，有一个很有智慧的国王。

Hěn jiǔ yǐqián, yǒu yí gè hěn yǒu zhìhuì de guówáng.

Rất lâu trước đây, có một nhà vua rất có trí tuệ.

一天，他让士兵们去找一头大象和一些出生时眼睛就瞎了的人回来。

Yì tiān, tā ràng shìbīngmen qù zhǎo yí tóu dàxiàng hé yìxiē chūshēng shí yǎnjīng jiù xiā le de rén huílái.

Một hôm, ông ấy bảo các binh sĩ đi tìm một con voi và một vài người khi sinh ra mắt đã mù về.

士兵们分别去不同地方寻找，把找到的大象和盲人带到他面前。

Shìbīngmen fēnbié qù bùtóng dìfāng xúnzhǎo, bǎ zhǎodào de dàxiàng hé mángrén dài dào tā miànqián.

Các binh sĩ chia nhau đi các nơi khác nhau tìm kiếm, đưa con voi và người mù tìm được đến trước mặt ông ấy.

士兵们



国王叫盲人们去摸一摸大象，问他们：“你们觉得大象是什么样的呢？”

Guówáng jiào mángrénmen qù mō yí mō dàxiàng, wèn tāmen: “Nǐmen juéde dàxiàng shì shénmeyàng de ne?”

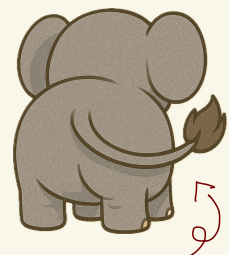
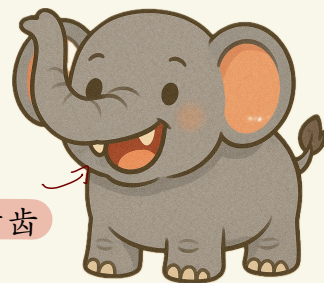
Nhà vua bảo những người mù đi sờ con voi, rồi hỏi họ: “Các người thấy con voi như thế nào?”

摸到牙齿的盲人说：“我觉得像一个角”

Mō dào yáchǐ de máng rén shuō: “Wǒ jué de xiàng yí gè jiǎo.”

Người mù sờ được răng nói: “Tôi thấy giống như một cái sừng.”

牙齿



这是尾巴

“胡说！”摸到尾巴的盲人说，“它像一条绳子”
“Húshuō!” Mō dào wěiba de máng rén shuō, “tā xiàng yí tiáo shéngzi.”

“Nói linh tinh!” Người mù sờ được đuôi nói, “nó giống như một sợi dây thừng.”

摸到大象身子的盲人说：“我觉得像一面又高又平的墙。”

Mō dào dàxiàng shēnzi de máng rén shuō: “Wǒ jué de xiàng yí miàn yòu gāo yòu píng de qiáng.”

Người mù sờ được phần thân của con voi nói: “Tôi thấy giống như một bức tường vừa cao vừa bằng phẳng.”

“不，你们都错了，应该是像一把扇子。”这个盲人摸到了大象的耳朵。

“Bù, nǐmen dōu cuò le, yīnggāi shì xiàng yí bǎ shànzi.” Zhège máng rén mō dào le dàxiàng de ěrduo.

“Không, mấy người đều sai rồi, nên giống như một cái quạt.” Người mù này sờ được tai của con voi.

国王笑了起来：“你们每个人都只摸到了一点，就认为自己了解全部了吗？”

Guówáng xiào le qǐlái: “Nǐmen měi gè rén dōu zhǐ mō dào le yídiǎn, jiù rènwéi zìjǐ liǎojiě quánbù le ma?”

Nhà vua cười phá lên: “Các người mỗi người chỉ sờ được một chút, liền cho rằng bản thân hiểu hết toàn bộ rồi sao?”

只有片面的认识是不能下结论的。

Zhǐyǒu piànmiàn de rènshi shì bùnéng xià jiélùn de.

Chỉ có nhận thức phiến diện thì không thể đưa ra kết luận được.

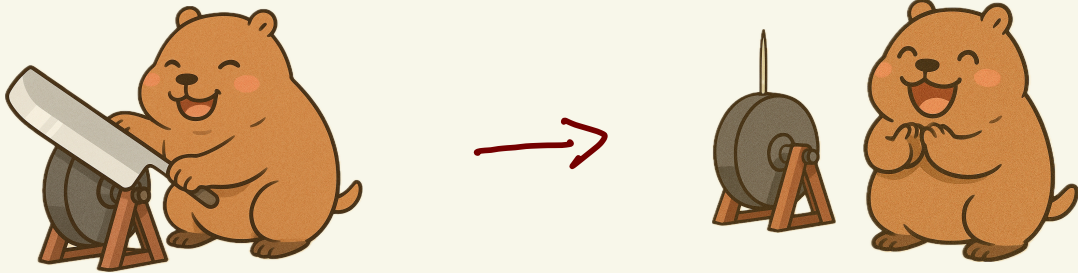


他很片面

2 精诚所至，金石为开

Jīngchéng suǒ zhì, jīnshí wéi kāi

Có công mài sắt, có ngày nên kim



西汉时期有一位著名的将军叫李广，他善于骑马射箭，作战勇敢，被称为“飞将军”。

Xīhàn shíqī yǒu yí wèi zhùmíng de jiāngjūn jiào Lǐ Guǎng, tā shànyú qímǎ shèjiàn, zuòzhàn yǒnggǎn, bèi chēng wéi “fēi jiāngjūn”.

Thời kỳ Tây Hán có một vị tướng quân nổi tiếng tên Lý Quảng, ông ấy giỏi cưỡi ngựa bắn tên, chiến đấu dũng cảm, được gọi là “phi tướng quân”.

一天傍晚，他正带着士兵们在山中打猎，忽然发现远处蹲着一只大老虎。

Yì tiān bàngwǎn, tā zhèng dài zhe shìbīngmen zài shān zhōng dǎliè, hūrán fāxiàn yuǎn chù dūn zhe yí zhī dà lǎohǔ.

Một hôm chiều tối, ông ấy đang dẫn các binh sĩ đi săn trong núi, đột nhiên phát hiện ở phía xa có một con hổ đang ngồi xổm.



士兵们都紧张地围了上来，想要保护他。

Shìbīngmen dōu jǐnzhāng de wéi le shànglái, xiǎng yào bǎohù tā.

Các binh sĩ đều căng thẳng bao vây lại, muốn bảo vệ ông ấy.

李广摇摇头，表示不要紧。

Lǐ Guǎng yáo yáo tóu, biǎoshì bú yào jǐn.

Lý Quảng lắc đầu, tỏ ra không cần căng thẳng



📌 只见他从箭袋里取出一支箭，摆好姿势，全神贯注，用尽全力向老虎射去。

Zhǐ jiàn tā cóng jiàndài lǐ qǔ chū yì zhī jiàn, bǎi hǎo zīshì, quánshénguànzhù, yòng jìn quánlì xiàng lǎohǔ shè qù.

Chỉ nhìn thấy ông ấy từ trong túi mũi tên lấy ra một mũi tên, bày sẵn tư thế, hết sức chăm chú, dồn hết sức lực bắn về phía con hổ.

📌 过了一会儿，老虎没什么反应，士兵们小心地走上前去，想确定它是不是死了。

Guò le yíhuìr, lǎohǔ méishénme fǎnyìng, shìbīngmen xiǎoxīn de zǒu shàng qián qù, xiǎng quèdìng tā shì bù shì sǐ le.

Qua một lúc, con hổ không có phản ứng gì, các binh sĩ cẩn thận đi lên phía trước, muốn xác định xem nó đã chết chưa.

📌 没想到仔细一看，被射中的竟不是老虎，而是一块形状很像老虎的大石头，而且一整支箭几乎全都射到石头中了去！

Méi xiǎngdào zǐxì yí kàn, bèi shè zhòng de jìng búshì lǎohǔ, érshì yí kuài xíngzhuàng hěn xiàng lǎohǔ de dà shítou, érqǐè yì zhěng zhī jiàn jīhū quán dōu shè dào shítou zhōng qù le!

Không ngờ cẩn thận nhìn, thứ bị bắn trúng lại không phải con hổ, mà là một viên đá hình dạng rất giống con hổ, hơn nữa toàn bộ mũi tên gần như đều bắn vào trong viên đá rồi!

📌 大家都很吃惊，连李广自己都不相信他能有这么大的力气，于是他想再试试。

Dàijiā dōu hěn chījīng, lián Lǐ Guǎng zìjǐ dōu bù xiāngxìn tā néng yǒu zhème dà de lìqì, yúshì tā xiǎng zài shì shì.

Mọi người đều rất ngạc nhiên, ngay cả bản thân Lý Quảng cũng không tin ông ấy có thể có sức lực lớn như vậy, thế là ông ấy muốn thử lại lần nữa.

📌 可是，这次他连续换了几根箭，都没能再射进去

Kěshì, zhè cì tā liánxù huàn le jǐ gēn jiàn, dōu méi néng zài shè jìnqù,

Tuy nhiên, lần này ông ấy liên tiếp đổi vài mũi tên, đều không thể bắn vào nữa.

有的箭头碎了，有的箭杆断了，而大石头一点儿变化也没有。

Yǒu de jiàntóu suì le, yǒu de jiàn gǎn duàn le, ér dà shítou yìdiǎnr biànhuà yě méiyǒu.

Có cái đầu mũi tên bị vỡ, có cái thân mũi tên bị gãy, còn viên đá lớn không có chút thay đổi nào.



碎
vỡ



箭杆
thân mũi tên

“哎，怎么会这样？”士兵奇怪地你看我，我看你。

“Āi, zěnmē huì zhèyàng?” Shìbīng qíguài de nǐ kàn wǒ, wǒ kàn nǐ.

“Ôi, sao lại như thế này?” Các binh sĩ khó hiểu nhìn nhau.

“唉！大概是我不够用心了吧！”李广也无奈地说。

“Āi! Dàgài shì wǒ bùgòu yòngxīn le ba!” Lǐ Guǎng yě wúnài de shuō.

“Ôi! Chắc là do ta không đủ dụng tâm rồi!” Lý Quảng cũng bất lực nói.

人们对这件事情感到很不解，就去问当时最有影响力的学者扬雄。

Rénmen duì zhè jiàn shìqíng gǎndào hěn bù jiě, jiù qù wèn dāngshí zuì yǒu yǐngxiǎng lì de xuézhě Yángxióng.

Mọi người cảm thấy rất khó hiểu về chuyện này, liền đi hỏi học giả có sức ảnh hưởng nhất lúc bấy giờ là Dương Hùng.

扬雄回答说：“如果诚心实意，即使像金属和石头那样硬的东西也会被打动。”

Yángxióng huídá shuō: “Rúguǒ chéngxīn shíyì, jíshǐ xiàng jīnshǔ hé shítou nà yàng yìng de dōngxi yě huì bèi dǎdòng.”

Dương Hùng trả lời nói: “Nếu thành tâm thành ý, cho dù là thứ cứng như kim loại và đá cũng sẽ bị làm cho lay chuyển.”

“精诚所至，金石为开”这一成语也便由此流传下来。

“Jīngchéng suǒ zhì, jīnshí wéi kāi” zhè yī chéngyǔ yě biàn yóu cǐ liúchuán xiàlái.

Câu thành ngữ “có công mài sắt, có ngày nên kim” này cũng từ đó liền lưu truyền về sau.